

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-PT  
Ngày 29 – 8 – 2018  
V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con và chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Ngọc V, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Ngọc V:* Anh Võ Anh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 20/01/2018, có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1977 (vắng mặt)

4. Ông Lê Văn K, sinh năm 1971 (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 (vắng mặt)
  6. Bà Huỳnh Thị H (Bé H), sinh năm 1970 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
  7. Ông Huỳnh Văn D (Huỳnh D), sinh năm 1968 (vắng mặt)
  8. Bà Du Thị S, sinh năm 1969 (vắng mặt)
  9. Anh Huỳnh Chí N, sinh năm 1991 (vắng mặt)
  10. Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1994 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Ấp Nh, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
  11. Ông Hà Quốc Q (B), sinh năm 1978 (vắng mặt)
  12. Bà Lê Thị C, sinh năm 1973 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.
- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Chí T, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### *Về hôn nhân:*

Chị Võ Ngọc V và anh Nguyễn Chí T thống nhất xác định ngày 29/3/2013 anh chị tự nguyện kết hôn, nhưng chưa đăng ký kết hôn và sống ly thân từ tháng 03 năm 2017 (âm lịch) đến nay. Chị V xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T có tình cảm với người con gái khác và thường đi sớm về muộn, bỏ bê vợ con, cãi nhau nhiều lần và anh T yêu cầu chị ly hôn, nên đầu tháng 3 năm 2017 (âm lịch) chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T đồng ý ly hôn với chị V do quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn.

#### *Về con chung:*

Chị V và anh T thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có một người con chung tên Nguyễn Phương A, sinh ngày 25/9/2015, hiện nay sống chung với chị V và chưa có giấy khai sinh do giấy chứng sinh bị mất. Chị V yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, được anh T đồng ý.

#### *Về tài sản chung:*

+ Chị V xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: 26 chỉ vàng 24K, 13 chỉ vàng 18K, tất cả số vàng này được gia đình chồng cho vợ chồng chị trong ngày cưới. Vợ chồng chị đã bán 20 chỉ vàng 24K để nhận cầm cố hơn 05 công tằm cây đất vuông tằm của ông Nguyễn Văn B vào năm 2015 đến nay chưa đến hạn chuộc và anh T đang quản lý, canh tác. Cho bà Nguyễn Ngọc T (mẹ chồng chị V) mượn 05 chỉ vàng 24K, còn lại 01 chỉ vàng 24k anh T đang quản lý. Đối với 13 chỉ vàng 18K chị đang quản lý nhưng đã bán hết để lấy tiền nuôi dưỡng con. Chị V yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  số vàng này, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, chị V rút lại yêu cầu, không yêu cầu chia 26 chỉ vàng 24K và 13 chỉ vàng 18K.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị tạo lập được số tiền 925.000.000 đồng, trong số tiền này anh chị dùng 760.000.000 đồng gửi tiết kiệm ở Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện V, tỉnh Kiên Giang và Phòng giao dịch P, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – Phòng giao dịch huyện V, Chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang. Người gửi và đứng tên chủ tài khoản là anh T, hiện nay anh T quản lý số tiền này, nên chị không biết anh T có rút khỏi Ngân hàng hay chưa và chị yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  số tiền này. Còn lại số tiền 165.000.000 đồng, anh T giữ và trực tiếp đưa cho vợ chồng anh Huỳnh Chí N mượn 50.000.000 đồng; vợ chồng ông Huỳnh Văn D (Huỳnh D) mượn 30.000.000 đồng; vợ chồng bà Nguyễn Thị U mượn 10.000.000 đồng và vợ chồng ông Hà Quốc Q (B) mượn 75.000.000 đồng đến nay chưa trả, chị V yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  của số tiền 165.000.000 đồng; tuy nhiên, ngày 30/01/2018 chị V có đơn rút lại yêu cầu, không yêu cầu chia số tiền 165.000.000 đồng này.

Ngoài ra, vợ chồng chị còn có 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter 135<sup>cc</sup> biển kiểm soát 94F1-17772; 01 võ lã composit hiệu Đức Tài màu xanh trắng, dài 8,5m trọng tải 1,5 tấn và 01 đầu máy xe hiệu 3T75 có dàn cầu anh Thâm đang quản lý, sử dụng. Chị V yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  các tài sản này; tuy nhiên, ngày 30/01/2018, chị V rút lại yêu cầu và không yêu cầu chia đối với các tài sản này.

+ Anh T xác định vợ chồng anh có 26 chỉ vàng 24K và 22 chỉ vàng 18K, được gia đình anh cho vợ chồng anh trong ngày cưới, anh đồng ý chia đôi số vàng này. Ngoài ra, vợ chồng anh không còn tài sản nào khác và không có yêu cầu gì đối với tài sản chung của vợ chồng.

Đối với số tiền 925.000.000 đồng như chị V trình bày là không đúng vì không có số tiền đó. Anh có nhiều lần đi gửi tiền tiết kiệm thay ông Nguyễn Văn T (cha ruột anh) ở Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Phòng giao dịch P, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu và Ngân hàng thương mại cổ phần K, Phòng giao dịch huyện V, Chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 anh gửi Ngân hàng số tiền bao nhiêu anh không nhớ, không xác định được. Hiện nay, số tiền anh gửi tiết kiệm thay cha anh ở hai Ngân hàng nói trên thì anh đã rút hết ra khỏi Ngân hàng sau khi vợ chồng anh ly thân và đã trả lại xong cho cha anh, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh, nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị V chia  $\frac{1}{2}$  số tiền 760.000.000 đồng, trong số tiền 925.000.000 đồng mà anh gửi tiết kiệm Ngân hàng thay cha anh.

Đối với tất cả các tài sản chung còn lại do chị V xác định và không yêu cầu chia thì anh đồng ý và anh không có yêu cầu phản tố gì đối với các tài sản chị V không yêu cầu chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất trình bày: Anh T và chị V là con trai và con dâu của ông bà. Nay chị V và anh T ly hôn thì ông bà có ý kiến về phần tài sản như sau: Chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter 135<sup>cc</sup> biển kiểm soát 94F1-17772 ông bà dùng tiền của mình mua cho anh T trước khi vợ chồng anh T cưới nhau. Chiếc võ lã và đầu máy xe (có dàn cầu) là của ông bà mua của bà Nguyễn Thị Q vào năm 2013, không phải của vợ chồng anh T, chị V. Bà T không có mượn 05 chỉ vàng 24K của

chị V, anh T. Về số tiền gửi ở Ngân hàng Agribank - Phòng giao dịch P, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu và Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – Phòng giao dịch huyện V, Chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang là của ông bà. Ông bà nhờ anh T gửi hộ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, gửi số tiền bao nhiêu và chính xác vào thời gian nào thì ông bà không xác định được vì không nhớ. Anh T đã rút tiền ra khỏi Ngân hàng từ lâu để trả lại cho ông bà quản lý. Ngoài ra, ông bà còn có nhận cầm cố đất vuông của ông Nguyễn Văn B diện tích 05 công tầm cây, với giá 20 chỉ vàng 24K vào năm 201, thời hạn chuộc là 04 năm. Tất cả các tài sản nêu trên là của ông bà không phải là tài sản chung của anh T, chị V, nên ông bà không đồng ý cho anh T, chị V chia. Ngoài ra, ông bà không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị H thống nhất trình bày: Vào ngày 30/03/2016, ông bà cố cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc T 5,5 công tầm cây đất vuông tôm, với giá 20 chỉ vàng 24K, thời hạn chuộc đất là 04 năm (ngày 30/03/2020), khi giao dịch chỉ nói miệng, không ai chứng kiến cũng không có giấy cố. Ông bà đồng ý tiếp tục thực hiện việc cố đất với ông T, bà T. Ngoài ra, ông bà không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị U, ông Huỳnh Văn D, bà Du Thị S, anh Huỳnh Chí N, chị Nguyễn Thị Diễm M, ông Hà Quốc Q, bà Lê Thị C thống nhất trình bày: Họ không có nợ vợ chồng anh T, chị V khoản tiền như lời trình bày của chị V và cũng không có nợ bất cứ khoản tiền nào khác của vợ chồng chị V, anh T. Ngoài ra, không ai có ý kiến yêu cầu nào khác.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Ngọc V và anh Nguyễn Chí T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Võ Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A với mức tiền là 650.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án cho đến khi phát sinh một trong các khoản tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Chí T có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Phương A không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Đình chỉ một phần khởi kiện của chị Võ Ngọc V đối với yêu cầu chia 26 chỉ vàng 24k, 13 chỉ vàng 18k, 165.000.000 đồng, 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter 135<sup>cc</sup> biển kiểm soát 94F1-17772; 01 võ lãi composit, 01 đầu máy xe hiệu 3T75 có dàn cầu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc V yêu cầu chia đôi số tiền 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Chia đôi số tiền 751.005.104 đồng (Bảy trăm năm mươi một triệu không trăm lẻ năm ngàn một

trăm lẻ bốn đồng), chị Võ Ngọc V và anh Nguyễn Chí T mỗi người được hưởng 375.502.552 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm năm mươi hai đồng). Buộc anh Nguyễn Chí T giao cho chị Nguyễn Ngọc V 375.502.552 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, anh Nguyễn Chí T kháng cáo không đồng ý chia đôi số tiền 751.005.104 đồng với chị Võ Ngọc V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Chí T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử, nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Ngọc V yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản với anh Nguyễn Chí T, cư trú tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng phạm vi yêu cầu khởi kiện của chị V và giải quyết vắng mặt các đương sự đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Chí T không đồng ý chia  $\frac{1}{2}$  số tiền 751.005.104 đồng với chị V, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Chị V và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị cưới nhau tháng 03 năm 2013 và ly thân tháng 03 năm 2017; trong khoảng thời gian sống chung từ đầu năm 2014 đến đầu năm 2017, anh chị được cha mẹ của anh T là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc T cho mượn khoảng 25 công đất vuông để nuôi tôm. Chị V xác định ngoài nuôi tôm thì vợ chồng chị còn làm nghề mua bán tôm, cho người khác vay tiền và chơi hụi, nên vợ chồng chị tạo lập được số tiền 760.000.000 đồng để gửi Ngân hàng do anh T đứng tên, số tiền này anh T đang quản lý, nhưng hiện nay anh T đã rút ra khỏi Ngân hàng hay chưa thì chị không biết. Anh T thừa nhận trong quá trình sống chung với chị V, anh có gửi Ngân hàng số tiền 760.000.000

đồng, nhưng số tiền này là do anh gửi và đứng tên dùm cho cha anh, không phải tài sản chung của anh và chị V.

Xét thấy, qua xác minh từ năm 2014 đến năm 2017 anh T đứng tên gửi tiền Ngân hàng nhiều lần, nhiều tài khoản tại hai Ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch P, chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu và Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – Phòng giao dịch huyện V, chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang; tổng số tiền gửi vào tại hai Ngân hàng này là 730.000.000 đồng, tất toán là 751.005.104 đồng. Anh T xác định số tiền anh gửi hai Ngân hàng trên là anh gửi và đứng tên dùm cho cha anh, nhưng anh T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên có căn cứ xác định số tiền 751.005.104 đồng anh T đứng tên gửi hai Ngân hàng trên là tài sản chung của anh T và chị V trong thời kỳ hôn nhân, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị V là có căn cứ.

Tuy nhiên, nguồn gốc đất để chị V và anh T nuôi tôm là do cha mẹ anh T cho mượn, chị V xác định anh T là người trực tiếp nuôi tôm, kể cả việc mua bán tôm cũng do anh T trực tiếp đi mua bán, chị chỉ ở nhà phụ giúp cha mẹ chồng. Cấp sơ thẩm chia  $\frac{1}{2}$  số tiền 751.005.104 đồng là không đảm bảo quyền lợi của anh T do tài sản anh T, chị V tạo lập có nguồn gốc của gia đình anh T, nên chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, anh T được chia 60% và chị V được chia 40% của số tiền 751.005.104 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Chí T, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu về phần tài sản chung.

[5] Do sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần chia tài sản, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính lại theo quy định pháp luật, cụ thể: Chị V phải chịu nộp số tiền:  $300.402.042 \text{ đồng} \times 5\% = 15.020.102 \text{ đồng}$ , anh Thâm phải chịu nộp số tiền:  $20.000.000 \text{ đồng} + [(450.603.062 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\%] = 22.024.122 \text{ đồng}$ .

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm, anh Nguyễn Chí T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217; các Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 14; các Điều 15, 16, 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia

định; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Chí T. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Ngọc V và anh Nguyễn Chí T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Võ Ngọc V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Chí T có quyền và nghĩa vụ thăm cháu Nguyễn Phương A không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A, với mức cấp dưỡng số tiền là 650.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/5/2018) đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản:

Đình chỉ một phần khởi kiện của chị Võ Ngọc V đối với yêu cầu chia 26 chỉ vàng 24K, 13 chỉ vàng 18K, số tiền 165.000.000 đồng, 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter 135<sup>cc</sup> biển kiểm soát 94F1-17772; 01 võ lãi composit và 01 đầu máy xe hiệu 3T75 có dàn cầu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc V yêu cầu chia số tiền 760.000.000 đồng. Chia số tiền 751.005.104 đồng, như sau: Chị Võ Ngọc V được chia 300.402.042 đồng (Ba trăm triệu, bốn trăm linh hai nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng) và anh Nguyễn Chí T được chia 450.603.062 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu, sáu trăm linh ba nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng). Buộc anh Nguyễn Chí T giao cho chị Võ Ngọc V số tiền 300.402.042 đồng (Ba trăm triệu, bốn trăm linh hai nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng).

4. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ ngọc V phải chịu nộp 15.320.102 đồng (trong đó: Án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 15.020.102 đồng). Chị Võ Ngọc V đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 22.700.000 đồng theo biên lai thu số 0005427 ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, chị Võ Ngọc V được nhận lại số tiền 7.379.898 đồng (Bảy triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng).

Anh Nguyễn Chí T phải chịu nộp 22.324.122 đồng (trong đó: Án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 22.024.122 đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Chí T không phải chịu. Anh Nguyễn Chí T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005766 ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng.

5. Về chi phí định giá tài sản số tiền 500.000 đồng, chị Võ Ngọc V chịu toàn bộ. Chị Võ Ngọc Vàng đã nộp xong.

6. Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Lệ Kiều**